

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **519/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/12/2021

V/v: *Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thùy**

2. Ông **Nguyễn Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Bích Phượng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị Y**, sinh năm 19XX.

ĐKNKTT và nơi cư trú: số X ngõ Y tổ dân phố C Z, phường T P, quận B T L, TP Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 19XX.

ĐKNKTT và nơi cư trú: số X ngõ Y tổ dân phố C Z, phường T P, quận B T L, TP Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/8/2021 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lý Thị Y trình bày:

Chị Lý Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ngày 12/5/2006. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế. Anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới vợ con, có lần anh T đánh chị gãy tay, công an phải vào làm việc. Tháng 4/2020, chị đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm giải quyết, sau đó chị lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T không sửa đổi, cuộc sống hôn nhân của anh, chị bế tắc, không hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 30/4/2021 cho đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau nữa. Chị không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 3 con chung là cháu Phạm Thị Vân A, sinh ngày 10/8/20XX, cháu Phạm Thế H, sinh ngày 22/10/20XX và cháu Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 29/7/20XX. Các cháu đều đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng anh, chị không có gì.

Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Phạm Văn T nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lý Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Bị đơn anh Phạm Văn T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện các quy định tại Điều 70,71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Lý Thị Y được ly hôn với anh Phạm Văn T; Chị Y và anh T có 03 con chung là Phạm Thị Vân A, sinh ngày 10/8/20XX, Phạm Thế H, sinh ngày 22/10/20XX và Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 29/7/20XX, đã thành niên; Chị Y và anh T không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lý Thị Y và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 12/5/2006 tại UBND xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn có tìm hiểu, có tự nguyện, do đó đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số X ngõ

Y tổ dân phố C Z, phường T P, quận B T L, TP Hà Nội đến nay nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt anh T: Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Về tình cảm: Chị Lý Thị Y và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/5/2006 tại UBND xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn do đó đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T rượu chè, đánh đập, chửi bới vợ con. Chị Y đã làm đơn xin ly hôn với anh T năm 2020, nhưng để hàn gắn tình cảm chị Y đã rút đơn về nhưng anh T không sửa đổi. Hai anh chị sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Hiện nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn nên xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án làm việc, nhưng anh T không hợp tác, không lên Tòa án làm việc và cũng không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tổng hợp các lời khai, chứng cứ mà các đương sự nêu ra và căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú cung cấp: “Vợ chồng anh T chị Y có mâu thuẫn cách đây 3 năm, nguyên nhân do anh T rượu chè, đánh đập, chửi bới vợ con”, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Y và anh T là vợ chồng nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không cùng nhau hướng tới xây dựng cuộc sống chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Y xin ly hôn với anh T là có căn cứ nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị Y với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Lý Thị Y và anh Phạm Văn T có 03 con chung là cháu Phạm Thị Vân A, sinh ngày 10/8/20XX, cháu Phạm Thế H, sinh ngày

22/10/20XX và cháu Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 29/7/20XX, các cháu đều đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có gì chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Chị Lý Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lý Thị Y đối với anh Phạm Văn T.

2. Chị Lý Thị Y được ly hôn với anh Phạm Văn T.

3. Về con chung: Chị Lý Thị Y và anh Phạm Văn T có 03 con chung là cháu Phạm Thị Vân A, sinh ngày 10/8/20XX, cháu Phạm Thế H, sinh ngày 22/10/20XX và cháu Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 29/7/20XX, đều đã thành niên.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lý Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Y đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0042754 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội nay được chuyển thành án phí.

6. Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND, VKSND TP Hà Nội;
 - VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
 - Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
 - UBND xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- (Số 17, quyền số 01, 12/5/2006);
- Lưu HS - VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh